BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần 04: Từ 13-02 Đến 19-02-2023

LỚP			10A17	10A18	60CĐT1	60CTT1	60TVĐC1	60TVĐC2	60TVĐC3	60TVĐC4	60TVĐC5_BX	60TVĐC6_YL	60TVĐC7A_YL	60TVĐC7B_YL	60TVĐC8_LT	60TVĐL1	60TVĐL2	60TVĐL3	60TVĐT1	60TVĐT2	60TVĐT3	60TVĐT4	60TVĐT5
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 13-02	Sáng	1														Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)
		2																Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				
		3														Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.202)			Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.406)
		4														Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 14-02	Sáng	1														Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)
		2																Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.306)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.306)				
		3														Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)			Địa lý 6 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.303)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.303)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)
		4														Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.406)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.406)
		5																Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 15-02	Sáng	1														Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)
		2																		Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		
		3														Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)			Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.406)
		4														Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.303)		
		5														Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)			Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)
	Chiều	6	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.307)																			
		7	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)																			
		8		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)																			
		9	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.307)																			
		10	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)																				

LỚP			10A17	10A18	60CĐT1	60CTT1	60TVĐC1	60TVĐC2	60TVĐC3	60TVĐC4	60TVĐC5_BX	60TVĐC6_YL	60TVĐC7A_YL	60TVĐC7B_YL	60TVĐC8_LT	60TVĐL1	60TVĐL2	60TVĐL3	60TVĐT1	60TVĐT2	60TVĐT3	60TVĐT4	60TVĐT5
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 16-02	Sáng	1														Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.202)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)
		2																Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)				
		3																		Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.406)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.406)
		4														Văn học 6 Lê Thị Tô Quyên (H5.202)	Văn học 6 Lê Thị Tô Quyên (H5.202)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)
		5																					
	Chiều	6	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Toán học 4 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)																			
		7																					
		8	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)																			
		9	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.403)																				
		10		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)																			
Thứ 6 17-02	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán học 4 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)																			
		7	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.403)																				
		8		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến ()																			
		9	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.307)																			
		10																					
Thứ 7 18-02	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần 04: Từ 13-02 Đến 19-02-2023

LỚP			60TVĐT6_YL	60TVĐT7_VT	60TVGK1	60TVHA1_LT	60TVKT1	60TVKT2	60TVMT1	60TVMT2A_BX	60TVMT2B_BX	60TVMT3_VT	60TVQM1	60TVQM2	60TVQM3	60TVQM4	60TVQM5	60TVS1	60TVS2	60TVS3	60TVVP1	60TVVP2	60TVVP3
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 13-02	Sáng	1			Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.307)		Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)				Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.307)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)
		2			Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.307)		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)										Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.307)				Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.201)
		3			Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)		Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.301)					Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)		Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.301)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			
		4					Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)					Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)				Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)
		5												Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.302)			Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.302)						
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 14-02	Sáng	1			Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)		Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)				Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.304)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.302)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.304)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.302)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng ()	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng ()	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.203)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.203)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.201)
		2					Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)						Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)			Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)		Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	
		3			Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)				Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.301)				Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.301)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)			Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		4					Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)							Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)					Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	
		5					Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.204)					Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hóa (H5.304)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hóa (H5.304)		Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.404)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.404)			Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.201)
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 15-02	Sáng	1			Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.307)		Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.204)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.301)				Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.301)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.307)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)
		2					Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)													Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.203)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.203)	
		3			Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.301)					Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)		Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.301)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)			Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)
		4					Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)					Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.304)		Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.304)				Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.203)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.201)
		5			Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.307)								Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.304)		Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.307)					Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.201)
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

LỚP			60TVĐT6_YL	60TVĐT7_VT	60TVGK1	60TVHA1_LT	60TVKT1	60TVKT2	60TVMT1	60TVMT2A_BX	60TVMT2B_BX	60TVMT3_VT	60TVQM1	60TVQM2	60TVQM3	60TVQM4	60TVQM5	60TVS1	60TVS2	60TVS3	60TVVP1	60TVVP2	60TVVP3
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 16-02	Sáng	1			Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)		Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)				Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.304)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.304)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.203)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.203)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.201)
		2											Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.304)		Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.304)						Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	
		3			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.307)				Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến ()				Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến ()	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.307)			Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Văn học 6 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		4					Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.301)				Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.301)			Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			
		5			Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.301)					Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.302)		Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.302)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.203)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 6 17-02	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 7 18-02	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần 04: Từ 13-02 Đến 19-02-2023

LỚP			60TVVP4	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCĐL1A	61TCĐL1B	61TCĐT1A_VT	61TCĐT1B_VT	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TCMN1	61TCS1A_TA
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 13-02	Sáng	1	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Phát triển các giải pháp phần mềm cho các hệ thống dựa trên vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Mài - Đột dập Đỗ Anh Tuấn (TT.Tiện-Phay- bào)		Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng và sửa chữa khung và thân vỏ ô tô Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)													
		2	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.201)																				
		3	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)																				
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Tiếng Anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)							SQL Server Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.102)					Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.103)	Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.102)		
		7																					
		8																					
		9										Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)					Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)		
		10																					
Thứ 3 14-02	Sáng	1	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.201)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Phát triển các giải pháp phần mềm cho các hệ thống dựa trên vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Mài - Đột dập Đỗ Anh Tuấn (TT.Tiện-Phay- bào)		Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng và sửa chữa khung và thân vỏ ô tô Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảo trì hệ thống cơ khí Chu Mạnh Vinh (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Bảo trì hệ thống cơ khí Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.204_PHLT Khoa CK)	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)									
		2																					
		3	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)																				
		4																					
		5	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.201)																				
	Chiều	6				Phát triển các giải pháp phần mềm cho các hệ thống dựa trên vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)					SQL Server Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)					Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)		
		7												Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.102)									
		8																	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.102)		
		9										Vật lý 2 Lê Đức Quảng (H5.101)	Vật lý 2 Lê Đức Quảng (H5.101)										
		10																					
Thứ 4 15-02	Sáng	1	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Tiếng Anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Tin học Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Phát triển các giải pháp phần mềm cho các hệ thống dựa trên vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Mài - Đột dập Đỗ Anh Tuấn (TT.Tiện-Phay- bào)		Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng và sửa chữa khung và thân vỏ ô tô Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Quản trị mạng với Windowserver Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo trì hệ thống cơ khí Chu Mạnh Vinh (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Bảo trì hệ thống cơ khí Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.204_PHLT Khoa CK)	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()					Đột – Dập Hồ Sĩ Khương ()			
		2																					
		3	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)																				
		4	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.201)																				
		5	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.201)																				
	Chiều	6				Phát triển các giải pháp phần mềm cho các hệ thống dựa trên vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)						Bảo trì hệ thống cơ khí Chu Mạnh Vinh (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Bảo trì hệ thống cơ khí Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.204_PHLT Khoa CK)				PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy ()	Vi mạch số lập trình Nguyễn Văn Chiều ()				
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

LỚP			60TVVP4	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCĐL1A	61TCĐL1B	61TCĐT1A_VT	61TCĐT1B_VT	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TCMN1	61TCS1A_TA
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 16-02	Sáng	1	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.201)	Tiếng Anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng ()	Tin học Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Phát triển các giải pháp phần mềm cho các hệ thống dựa trên vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Mài - Đột dập Đỗ Anh Tuấn (TT.Tiện-Phay- bào)	Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến báo cáo thuế và quyết toán thuế. Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)	Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng và sửa chữa khung và thân vỏ ô tô Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Quản trị mạng với Windowserver Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo trì hệ thống cơ khí Chu Mạnh Vinh (Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Bảo trì hệ thống cơ khí Nguyễn Ngọc Mạnh (X10.204_PHLT Khoa CK)	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()					Đột – Dập Hồ Sĩ Khương ()				
		2																					
		3	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)																				
		4																					
		5	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)																				
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 6 17-02	Sáng	1		Tiếng Anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Tin học Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Phát triển các giải pháp phần mềm cho các hệ thống dựa trên vi điều khiển Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Mài - Đột dập Đỗ Anh Tuấn (TT.Tiện-Phay- bào)	Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến báo cáo thuế và quyết toán thuế. Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)	Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		Quản trị mạng với Windowserver Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.101)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.102)					Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.102)		
		2																					
		3												Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)							Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)		
		4										Vật lý 2 Lê Đức Quảng (H5.101)	Vật lý 2 Lê Đức Quảng (H5.101)						Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)			
		5																					
	Chiều	6															PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy ()	Vi mạch số lập trình Nguyễn Văn Chiều ()		Thực hiện các nghiệp vụ tổng hợp Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)			
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 7 18-02	Sáng	1															PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy ()	Vi mạch số lập trình Nguyễn Văn Chiều ()					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần 04: Từ 13-02 Đến 19-02-2023

LỚP			61TCS1B_TA	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 13-02	Sáng	1			Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Bá Thanh (X23.201.Phòng học Truyền động điện)							Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Triệu Đình Sơn (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Văn Bảy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)							Điện tử công suất Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Gia công trên máy CNC Đỗ Anh Tuấn (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	LĐ				Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đỗ Tiến Phong ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Ng Hồng Thao ()									Kỹ thuật cảm biến Lưu Quang Hưng (X23.308.Phòng học Đo lường)
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 14-02	Sáng	1			Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Phan Thanh Đạt ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Thị Hương ()					Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Triệu Đình Sơn (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Văn Bảy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)							Điện tử công suất Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Gia công trên máy CNC Đỗ Anh Tuấn (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)						Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đỗ Tiến Phong ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Ng Hồng Thao ()									Kỹ thuật cảm biến Lưu Quang Hưng (X23.308.Phòng học Đo lường)
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 15-02	Sáng	1			Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Phan Thanh Đạt ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Thị Hương ()						Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Văn Bảy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)							Điện tử công suất Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)			Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đỗ Tiến Phong ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Ng Hồng Thao ()	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai ()	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Dương Thanh Huệ ()		Sử dụng các thiết bị điều khiển Trần Quốc Phương ()				Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà ()
		7		Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)									Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.203)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Tính (H5.404)							Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.204)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.202)
		8		Địa lý 4 Nguyễn Thị Tính (H5.304)		Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)							Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)							Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		9		Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)							Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)							Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)
		10																					Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.202)

LỚP			61TCS1B_TA	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 16-02	Sáng	1				Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)	LĐ	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Phan Thanh Đạt ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Thị Hương ()					Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Triệu Đình Sơn (H6.401_LT Khoa ĐT-DL)									Kỹ thuật cảm biến Lưu Quang Hưng (X23.308.Phòng học Đo lường)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.302)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)							Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)							Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		7			Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)							Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)									
		8		Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)										Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.404)							Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		9			Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)							Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)							Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	
		10		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)		Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)																Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)
Thứ 6 17-02	Sáng	1				LĐ	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Phan Thanh Đạt ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Thị Hương ()										Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Triệu Đình Sơn ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức ()	Sử dụng các thiết bị điều khiển Lê Kiên Cường ()		
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)			Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đỗ Tiến Phong ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Ng Hồng Thao ()	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Dương Thanh Huệ ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Đặng Duy Thanh ()		Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Triệu Đình Sơn ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức ()	Sử dụng các thiết bị điều khiển Lê Kiên Cường ()	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
		7													Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)								Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh ()
		8		Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân ()	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)							Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)								
		9		Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)							Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.203)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)							Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		10																					
Thứ 7 18-02	Sáng	1		Gia công trên máy CNC Đỗ Anh Tuấn (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)												Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Dương Thanh Huệ ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Đặng Duy Thanh ()	Sử dụng các thiết bị điều khiển Trần Quốc Phương ()	Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Triệu Đình Sơn ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức ()	Sử dụng các thiết bị điều khiển Lê Kiên Cường ()	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Gia công trên máy CNC Đỗ Anh Tuấn (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)												Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Dương Thanh Huệ ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Đặng Duy Thanh ()	Sử dụng các thiết bị điều khiển Trần Quốc Phương ()	Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Triệu Đình Sơn ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức ()	Sử dụng các thiết bị điều khiển Lê Kiên Cường ()	
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần 04: Từ 13-02 Đến 19-02-2023

LỚP			61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 13-02	Sáng	1			Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến công nợ Trần Việt Anh (H3.206_Khoa SP-KT)						Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Thị Thu Hà (H3.106)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Xuân Chung (H3.203_TH Máy tính)				SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Quản trị mạng với Windowserver Phùng Ngọc Hùng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Sửa chữa hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)			Kỹ thuật bàn phím Tạ Ngọc Dũng (H3.111_TH THCB)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Kỹ thuật cảm biến Lê Kiên Cường (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)			Phân tích rủi ro và đề xuất giải pháp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)							Xử lý sự cố một số phần cứng máy tính: RAM, CPU, HDD Hoàng Tùng ()	Xử lý sự cố một số phần cứng máy tính: RAM, CPU, HDD Nguyễn Tuấn Hưng ()	Tin học văn phòng Vũ Bá Tòng (H3.111_TH THCB)				Sửa chữa hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Lê Hoàng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Văn bản pháp quy Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 14-02	Sáng	1			Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến công nợ Trần Việt Anh (H3.206_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Cao Thị Thu ()	Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Hoàng Văn Hùng ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Phạm Quang Thắng ()	Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Thị Thu Hà (H3.106)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Xuân Chung (H3.203_TH Máy tính)				SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Quản trị mạng với Windowserver Phùng Ngọc Hùng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Kỹ thuật bàn phím Tạ Ngọc Dũng (H3.111_TH THCB)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Kỹ thuật cảm biến Lê Kiên Cường (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)			Phân tích rủi ro và đề xuất giải pháp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)							Xử lý sự cố một số phần cứng máy tính: RAM, CPU, HDD Hoàng Tùng ()	Xử lý sự cố một số phần cứng máy tính: RAM, CPU, HDD Nguyễn Tuấn Hưng ()	Tin học văn phòng Vũ Bá Tòng (H3.111_TH THCB)				Sửa chữa hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Lê Hoàng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Văn bản pháp quy Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 15-02	Sáng	1	Kỹ thuật cảm biến Lê Kiên Cường (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)				Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Cao Thị Thu ()	Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Hoàng Văn Hùng ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Phạm Quang Thắng ()		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Xuân Chung (H3.203_TH Máy tính)				SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Quản trị mạng với Windowserver Phùng Ngọc Hùng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)					Kỹ thuật bàn phím Tạ Ngọc Dũng (H3.111_TH THCB)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà ()					Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		Xử lý sự cố một số phần cứng máy tính: RAM, CPU, HDD Nguyễn Tuấn Hưng ()	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai ()	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)
		7	Văn học 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.204)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.202)					Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.301)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.301)			Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.203)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Tính (H5.404)				Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân ()	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân ()
		8			Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)					Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)	Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Tính (H5.304)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.406)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.406)
		9	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)									Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)			Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)
		10				Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.202)					Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)					Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)			Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.306)	

LỚP			61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 16-02	Sáng	1					Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Cao Thị Thu ()	Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Hoàng Văn Hùng ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Phạm Quang Thắng ()					Tin học văn phòng Vũ Bá Tùng (H3.111_TH THCB)			Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.302)		Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)					Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Văn học 4 Tạ Thị Bích Hồng (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Văn học 4 Tạ Thị Bích Hồng (H5.306)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)
		7	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)												Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)			Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)				
		8	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.301)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.301)				Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.404)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)			Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)
		9	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)		Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)										Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)
		10				Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)					Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)					Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)		
Thứ 6 17-02	Sáng	1		Điện tử công suất Phạm Đức Tùng ()			Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Cao Thị Thu ()	Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Hoàng Văn Hùng ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Phạm Quang Thắng ()								Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)			Thiết kế trình diễn trên máy tính Lê Hoàng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Văn bản pháp quy Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)		Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)					Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Xử lý sự cố một số phần cứng máy tính: RAM, CPU, HDD Hoàng Tùng ()		Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Văn (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Văn (H5.406)
		7									Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)	Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)				Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)						Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)
		8	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh ()									Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Văn học 4 Tạ Thị Bích Hồng (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Văn ()	Văn học 4 Tạ Thị Bích Hồng (H5.306)		
		9	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)		Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)			Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.203)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)		Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)		Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)
		10															Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)				Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)			
Thứ 7 18-02	Sáng	1		Điện tử công suất Phạm Đức Tùng ()																			
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Điện tử công suất Phạm Đức Tùng ()																			
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần 04: Từ 13-02 Đến 19-02-2023

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CGK2	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 13-02	Sáng	1	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX3)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX3)		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.102)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.103)	Vật liệu điện Cao Thị Thu ()	An toàn lao động Dương Thanh Huệ (X23.302.Phòng học Máy điện)	Khí cụ điện – điện tử Lê Trung Thịnh (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Cơ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.101_PHLT Khoa CK)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.207_Khoa SP-KT)	Cơ sở dữ liệu Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)		An toàn điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.205)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.106)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H5.104)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H5.104)				Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX7)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX7)	Vật liệu điện Cao Thị Thu (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)								Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)
		7																					
		8																				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)
		9																				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)
		10																					
Thứ 3 14-02	Sáng	1	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX3)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX3)		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.102)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.102)			Khí cụ điện – điện tử Lê Trung Thịnh (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Cơ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.101_PHLT Khoa CK)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.205)	Cơ sở dữ liệu Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)		An toàn điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	An toàn điện Hoàng Văn Quân (X23.105.TH Đo lường điện)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.106)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.104)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.104)		Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tấn (H3.104)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX7)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX7)	Vật liệu điện Cao Thị Thu (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)		Khí cụ điện – điện tử Lê Trung Thịnh (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)					An toàn điện Nguyễn Thị Hương ()	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)
		7																					
		8																				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)
		9																				Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)
		10																					
Thứ 4 15-02	Sáng	1	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.205)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.205)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX5)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX5)		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H5.101)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H5.102)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.103)		An toàn lao động Dương Thanh Huệ (X23.302.Phòng học Máy điện)	Khí cụ điện – điện tử Lê Trung Thịnh (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Cơ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.101_PHLT Khoa CK)		Cơ sở dữ liệu Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)		An toàn điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	An toàn điện Hoàng Văn Quân (X23.105.TH Đo lường điện)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.205)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.205)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.104)		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.104)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX4)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX4)			Ktra: Vật liệu điện-1-2-2022(N11) (...)				Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.208_Khoa SP-KT)			An toàn điện Nguyễn Thị Hương ()		
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CGK2	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 16-02	Sáng	1	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX3)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX3)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H5.104)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H5.101)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX4)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX4)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H5.102)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H5.102)		An toàn lao động Dương Thanh Huệ (X23.302.Phòng học Máy điện)	Khí cụ điện – điện tử Lê Trung Thịnh (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	Cơ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.101_PHLT Khoa CK)		Cơ sở dữ liệu Lê Hoàng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)			An toàn điện Hoàng Văn Quân (X23.105.TH Đo lường điện)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 6 17-02	Sáng	1	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.205)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.205)		Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)			Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.104)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.105)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.104)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.104)		An toàn lao động Dương Thanh Huệ (X23.302.Phòng học Máy điện)		Cơ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.101_PHLT Khoa CK)		Ktra: Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo-1-2-2022(N11) Hoàng Tùng (H3.204.TH KHOA TIN)			Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)
		2																					
		3																				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)
		4																					
		5																				Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()
	Chiều	6		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX3)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX3)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H5.104)		Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)			Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)							Soạn thảo văn bản Đặng Thị Thu Hà (H3.208_Khoa SP-KT)				Vật liệu điện Nguyễn Thị Hương ()		Ktra: An toàn điện-1-2-2022(N03) (...)
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 7 18-02	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																			Vật liệu điện Nguyễn Thị Hương ()	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)
		7																					
		8																				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)
		9																				Chào cờ ()	Chào cờ ()
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần 04: Từ 13-02 Đến 19-02-2023

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 13-02	Sáng	1															Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Tân (H3.108.TH LĐĐ)						
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.202)	An toàn điện Phan Thị Lý ()	An toàn điện Lỗ Văn Ba ()						Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.307)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.307)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.302)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.306)	
		7										Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)							
		8	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)									Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.302)			Toán 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.302)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.306)	
		9	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.202)								Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.403)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)		Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyền (H5.403)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	
		10												Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	
Thứ 3 14-02	Sáng	1		Vật liệu điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)									Đo lường Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Vật liệu Nguyễn Việt Cường (H3.109_THĐT)		An toàn lao động Lưu Quang Hưng (X23.302.Phòng học Máy điện)	Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Tân (H3.108.TH LĐĐ)	An toàn lao động Lê Đức Quảng ()					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	An toàn điện Phan Thị Lý ()	An toàn điện Lỗ Văn Ba ()	An toàn điện Đặng Việt Hùng ()	An toàn điện Phạm Quang Thắng ()	An toàn điện Nguyễn Trung Tuệ ()	An toàn điện Nguyễn Văn Tình ()	An toàn điện Hoàng Văn Quân ()	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.302)		Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.302)				Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	
		7											Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.307)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.307)						
		8	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.202)								Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	
		9											Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	
		10	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)								Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)							
Thứ 4 15-02	Sáng	1		Vật liệu điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)									Đo lường Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Vật liệu Nguyễn Việt Cường (H3.109_THĐT)			Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Tân (H3.108.TH LĐĐ)	An toàn lao động Lê Đức Quảng ()					An toàn lao động Phạm Văn Úc (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Vật liệu điện Nguyễn Bá Thanh (X23.105.TH Đo lường điện)		Vật liệu điện Phan Thị Lý ()	Vật liệu điện Lỗ Văn Ba ()	An toàn điện Đặng Việt Hùng ()	An toàn điện Phạm Quang Thắng ()	An toàn điện Nguyễn Trung Tuệ ()	An toàn điện Nguyễn Văn Tình ()	An toàn điện Hoàng Văn Quân ()	Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.101)				An toàn lao động Lưu Quang Hưng (X23.302.Phòng học Máy điện)					Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến ()	An toàn lao động Phạm Văn Úc (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 16-02	Sáng	1	Vật liệu điện Nguyễn Bá Thanh ()	Vật liệu điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)								Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.101)	Đo lường Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Vật liệu Nguyễn Việt Cường (H3.109_THĐT)			Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Tân (H3.108.TH LĐĐ)	An toàn lao động Lê Đức Quảng ()				An toàn lao động Phạm Văn Úc (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 6 17-02	Sáng	1	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)								Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	
		2	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)																			
		3	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)								Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)				Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	An toàn lao động Chu Mạnh Vinh ()
		4										Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)							
		5	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()								Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()		Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()				Sinh hoạt lớp ()	
	Chiều	6	Vật liệu điện Nguyễn Bá Thanh (X23.105.TH Đo lường điện)		Vật liệu điện Phan Thị Lý ()	Vật liệu điện Lô Văn Ba ()	Vật liệu điện Đặng Việt Hùng ()	Vật liệu điện Phạm Quang Thắng ()	Vật liệu điện Nguyễn Trung Tuệ ()	An toàn điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	An toàn điện Hoàng Văn Quân ()	Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.101)			Vẽ kỹ thuật Nguyễn Việt Cường ()	An toàn lao động Lưu Quang Hưng (X23.302.Phòng học Máy điện)			An toàn lao động Nguyễn Chí Thành ()	An toàn lao động Nguyễn Văn Tân ()	Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến ()		An toàn lao động Chu Mạnh Vinh ()
		7		Ktra: Vật liệu điện-1-2-2022(N05) (...)																			
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 7 18-02	Sáng	1													Vẽ kỹ thuật Nguyễn Việt Cường ()				An toàn lao động Nguyễn Chí Thành ()	An toàn lao động Nguyễn Văn Tân ()	Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến ()		An toàn lao động Chu Mạnh Vinh ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)						Ktra: An toàn điện-1-2-2022(N11) (...)	Ktra: An toàn điện-1-2-2022(N12) (...)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng ()		Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng ()				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.306)	
		7	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)			Vật liệu điện Đặng Việt Hùng ()	Vật liệu điện Phạm Quang Thắng ()	Vật liệu điện Nguyễn Trung Tuệ ()			Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.403)		Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.403)		Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)					
		8											Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	
		9	Chào cờ ()	Chào cờ ()								Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()		Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()				Chào cờ ()	
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023

Tuần 04: Từ 13-02 Đến 19-02-2023

LỚP			62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 13-02	Sáng	1				Kinh tế vi mô Cao Thị Minh (H3.205)					Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)				Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phan Hoàng Lan ()		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N01) Trần Hanh (Sảnh X11_1.1) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N05) Phạm Đức Lâm (Tầng hầm X.23)				Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Lê Sơn Thảo (H3.101)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)			Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.306)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)	
		7																					
		8		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.203)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	
		9		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)									Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	
		10				Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Thị Huyền ()	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền ()	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)				Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.404)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)				Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.404)	
Thứ 3 14-02	Sáng	1				Kinh tế vi mô Cao Thị Minh (H3.208_Khoa SP-KT)			Kinh tế vi mô Nguyễn Hồng Hạnh (H3.105)						Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phan Hoàng Lan ()		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N01) Trần Hanh (Sảnh X11_1.1) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N05) Phạm Đức Lâm (Tầng hầm X.23)			Lập trình căn bản Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Lê Sơn Thảo (H3.101)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)			Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.201)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.303)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.201)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	
		7																					
		8		Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Tạ Ngọc Dũng ()	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Ngọc Hùng ()	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.303)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Văn Trình ()
		9		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)				Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		10				Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)					Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)			Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)				Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)			
Thứ 4 15-02	Sáng	1		Kinh tế vĩ mô Trần Văn Hội (H3.106)					Kinh tế vi mô Nguyễn Hồng Hạnh (H3.105)						Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phan Hoàng Lan ()		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N01) Trần Hanh (Sảnh X11_1.1) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N05) Phạm Đức Lâm (...)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Lập trình căn bản Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Lê Sơn Thảo (H3.101)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6			Kinh tế vĩ mô Trương Thị Thanh Huyền (H5.101)	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.207_Khoa SP-KT)				Quản trị học Phạm Thị Thúy Lệ (H5.102)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Tạ Ngọc Dũng ()	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Ngọc Hùng ()	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Thị Minh Phương (H2.302_TH QTM)		Cơ sở dữ liệu Lê Thị Châm (H3.204.TH KHOA TIN)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Trần Hanh (Sảnh X11_1.1)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)				Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Văn Trình ()
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

LỚP			62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 16-02	Sáng	1		Kinh tế vĩ mô Trần Văn Hội (H3.106)	Kinh tế vĩ mô Trương Thị Thanh Huyền (H3.206_Khoa SP-KT)	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)			Kinh tế vi mô Nguyễn Hồng Hạnh (H3.205)	Quản trị học Phạm Thị Thúy Lệ (H3.105)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)			Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Thị Minh Phương (H2.302_TH QTM)	Ktra: Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo-1-2-2022(N05) Phan Hoàng Lan (H2.301_TH LR Máy tính)	Cơ sở dữ liệu Lê Thị Châm (H3.204.TH KHOA TIN)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N01) Trần Hanh (Sảnh X11_1.1) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N05) Phạm Đức Lâm (...)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Lập trình căn bản Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Ktra: Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo-1-2-2022(N08) Lê Sơn Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Ktra: Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo-1-2-2022(N09) Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Trần Hanh (Sảnh X11_1.1)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)				
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 6 17-02	Sáng	1	An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh ()	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Kinh tế vi mô Trần Việt Anh ()	Kinh tế vĩ mô Trần Huy Quảng ()	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)			Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)	
		2		Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)					Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)												
		3		Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)			Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)			Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	
		4																					
		5		Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()			Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()			Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	
	Chiều	6	An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh ()				Kinh tế vi mô Trần Việt Anh ()	Kinh tế vĩ mô Trần Huy Quảng ()			Ktra: Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo-1-2-2022(N01) Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Tạ Ngọc Dũng ()	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Ngọc Hùng ()	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Thị Minh Phương (H2.302_TH QTM)		Cơ sở dữ liệu Lê Thị Châm (H3.204.TH KHOA TIN)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Trần Hanh (Sảnh X11_1.1)					Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Văn Trình ()
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 7 18-02	Sáng	1	An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh ()				Kinh tế vi mô Trần Việt Anh ()																
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	An toàn lao động Nguyễn Ngọc Mạnh ()	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Kinh tế vi mô Trần Việt Anh ()		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	
		7																					
		8		Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.204)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.406)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.406)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	
		9		Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()			Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()			Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	
		10																					